

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2018

V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Lê Đình Cự.**

2. **Bà Nguyễn Thị Vĩnh.**

* *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh.**

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*

Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị N**, sinh năm 1985

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Đức Minh D**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2018; Bản tự khai ngày 06/7/2018; Biên bản hòa giải ngày 26/7/2018 chị Bùi Thị N nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đức Minh D kết hôn ngày 29/11/2012 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh D ở thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra xô xát cãi vã. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện T từ cuối năm 2017, sống ly thân với anh D từ đó đến nay không có

quan hệ gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

* *Về con chung*: Chị và anh D có 01 con chung: Đức Minh D1, sinh ngày 21/12/2012, hiện nay con chung đang sống với chị, ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm hộ lý ở bệnh viện Đại học Y Thái Bình, thu nhập 6 triệu đồng/01 tháng.

* *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 26/7/2018 và Biên bản hòa giải ngày 26/7/2018 anh Đức Minh D là bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Bùi Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/11/2012 tại UBND xã Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N có quan hệ bất chính với anh Hùng, gia đình anh đã bắt được, chị N đã có cam kết trước gia đình, gia đình anh đã tha lỗi cho chị N. Nay chị N xin ly hôn anh có ý kiến: Nếu chị N nhường con cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn với chị N, nếu chị N không nhường con cho anh nuôi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau này chị N đi lấy chồng thì anh có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con.

* *Về con chung*: Anh và chị N có 01 con chung: Đức Minh D1, sinh ngày 21/12/2012, ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm bảo vệ ở Công ty giấy da Phúc Mậu, thu nhập hàng tháng là 3.500.000 đồng/01 tháng.

* *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đức Minh D; Giao con chung Đức Minh D, sinh ngày 21/12/2012 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không làm thay đổi cuộc sống bình thường của cháu; Về tài sản chung: Chị N và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết; Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Anh D đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa thứ

nhất anh D vắng mặt không lý do, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 31/8/2018 anh D vẫn vắng mặt HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D. Chị N có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N và anh Đức Minh D kết hôn ngày 29/11/2012 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn chị N, anh D chung sống hòa thuận cùng gia đình anh D ở thôn T, xã Đ được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, ngoài ra anh D cho rằng chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh và gai đình đã khuyên bảo nhưng chị N không thay đổi. Chị N và anh D đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/7/2018 giữa chị N và anh D, UBND xã Đ cung cấp như sau: Chị N kết hôn với anh D ngày 29/11/2012 có đăng ký tại UBND xã Đ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh D là do anh D nghi ngờ chị N ngoại tình và mâu thuẫn về kinh tế, khoảng tháng 3/2017 thì chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị N cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Tòa án đã tiến hành hòa giải và khuyên bảo các đương sự suy nghĩ về hậu quả của việc ly hôn, nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy giữa chị N và anh D sống ly thân đã lâu không có liên lạc, quan hệ về tình cảm và ràng buộc về kinh tế. Vì vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N cương quyết xin được ly hôn với anh D nên cần được chấp nhận là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh D có 01 con chung là Đức Minh D1, sinh ngày 21/12/2012, ly hôn chị N, anh D đều có nguyện vọng xin nuôi con và không bên nào yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng nguyện vọng của chị N và anh D đều chính đáng, chị N trình bày hiện chị đang làm hộ lý tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình thu nhập 6.000.000đồng/ tháng, anh D hiện đang làm bảo vệ tại Công ty giày da Phúc Mậu, xã Đông Phương thu nhập là 3.500.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên hiện nay con chung đang ở cùng chị N nên để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, xét về thu nhập hiện nay của chị N cũng cao hơn anh D, anh D cũng không chứng minh được việc chị N chăm sóc không tốt hoặc có hành vi bạo lực đối với con. Vì vậy cần giao con Đức Minh D1, sinh ngày 21/12/2012 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là phù hợp. Việc thay đổi người nuôi con và yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản*: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Đức Minh D.

2. Về con chung: Xử giao chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi con Đức Minh D1, sinh ngày 21/12/2012 và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị N và anh Đức Minh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007678 ngày 06/7/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

ời nhân:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH